

Số: 64 /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
**Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 109/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15, Luật số 143/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 809/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng; cá nhân là người dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai và công tác dân tộc.

c) Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai, công tác dân tộc.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng, đúng thủ tục quy định.

b) Phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, dân tộc.

c) Các đối tượng được hỗ trợ về đất đai phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải sinh sống và thường trú tại địa bàn cấp xã nơi có đất được giao đất, được chuyển mục đích sử dụng đất, được cho thuê đất.

b) Cá nhân chưa được nhận hỗ trợ về đất đai từ các chương trình, chính sách theo quy định của pháp luật.

c) Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của từng địa bàn cấp xã.

3. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương phải bố trí quỹ đất trong quy hoạch được lập theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn để xây dựng nơi sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số

1. Cá nhân không có đất ở thì được Nhà nước xem xét giao đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất. Việc giao đất ở phải gắn với phương án làm nhà ở trên phần diện tích được giao.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu thì được Nhà nước xem xét cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân không có đất nông nghiệp thì được Nhà nước xem xét giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại khoản 1, 2 và 3 của Điều 176 Luật số 31/2024/QH15 và không thu tiền sử dụng đất.

4. Cá nhân nếu có nhu cầu thì Nhà nước xem xét cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo diện tích phù hợp với quỹ đất của địa phương và ngành nghề sản xuất, kinh doanh, trong đó được giảm 50% tiền thuê đất cho diện tích tối đa không quá 300 m² đối với các xã, đặc khu Thổ Châu, đặc khu Kiên Hải và tối đa không quá 200 m² đối với các phường, đặc khu Phú Quốc.

Điều 5. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 của Luật số 31/2024/QH15.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2026.

uuu

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND xã, phường, đặc khu;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Trần Thị Thanh Hương